

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐB
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 315/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 12/11/2018.
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Hải;

2. Ông Lường Văn Hịa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên .

Ngày 12/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2018/TLST – HNGĐ ngày 12/7/2018 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX - ST ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/TLST - HNGĐ ngày 08/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1999."có mặt".

Trú tại: Đội 10, xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1991."vắng mặt".

Trú tại: Đội 2, xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/7/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện ĐB nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Tr có 4 năm tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2017 tại UBND xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống hạnh phúc được khoảng 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr đưa đòi bạn bè, chơi bời dẫn đến nghiện ma túy đã được tôi và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Tr chỉ thay đổi được vài ngày rồi vẫn tái diễn nên chúng tôi ngày càng bất đồng không tìm được tiếng nói chung. Tôi đã cùng con về bên ngoại sống từ tháng 6/2018 nhưng anh Tr cũng không qua lại thăm hỏi con cái kể từ ngày đó đến nay. Tôi và anh Tr đã ly thân được hơn bốn tháng, từ ngày đó đến nay chúng tôi không quan tâm đến nhau, anh Tr đi đâu làm gì tôi không biết. Tôi xác định rõ tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 12/10/2017. Chị L có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng đất: Không có.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô L lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2017 tại UBND xã TH, huyện DB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung như cô L đã trình bày, tuy nhiên anh Tr không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tr công nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 12/10/2017 và không có ý kiến gì.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng đất: Không có.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 25/10/2018 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi cho các đương sự. Nhưng bị đơn Tr không có mặt tại phiên tòa, nên HĐXX đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và gửi hợp lệ cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị L, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr, anh Tr có hộ khẩu thường trú tại xã TH, huyện DB, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DB theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị L và anh Tr lấy nhau năm 2017 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Nguyễn Văn Tr lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do

anh Tr đua đòi lao vào con đường nghiện ma túy dẫn đến về nhà không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Tình cảm vợ chồng giữa chị L với anh Tr đã sảy ra mâu thuẫn từ tháng 6/2018 đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Anh Tr và chị L đều khẳng định có mâu thuẫn, anh Tr bỏ mặc gia đình không quan tâm xây dựng hạnh phúc, bản thân anh Tr cũng có nghiện ma túy và có thời gian ly thân nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến quan hệ hôn nhân của anh Tr và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị L xác định tình cảm của mình với anh Tr không còn. Chị xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh Tr không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được cơ sở nào chứng minh tình cảm cũng như trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Bên cạnh đó anh Tr cũng thừa nhận việc mình có sử dụng ma túy và hiện tại anh đang cai nghiện tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của anh Tr.

[5]. Về con chung: Chị L có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr cũng không có ý kiến gì về con chung.

Tại phiên tòa chị L vẫn có nguyện vọng được nuôi con chung. Anh Tr trong quá trình hòa giải cũng nhất trí vì con còn nhỏ. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình người có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, anh Tr và chị L có một con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con nên HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L về không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng đất: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn Tr: Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228/BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Tuyên xử: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 12/10/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, chị L đã nộp đủ số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002854 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã TH;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương